

**PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ TRANG NGHIÊM  
THANH TỊNH, BÌNH ĐẲNG GIÁC KINH**

*Phúc giảng lần thứ hai: Cô Lưu Tố Vân*

*Thời gian: 05/08/2021*

*Địa điểm: Tiểu viện Lục Hòa*

**Tập 68**

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Mời xem kinh văn tiếp theo:

**Vô lượng Thọ Phật ý dục độ thoát, thập phương thế giới, chư chúng sanh loại, giai sử vãng sanh kỳ quốc, tất linh đắc Nê-hoàn đạo. Tác Bồ-tát giả, linh tất tác Phật, ký tác Phật dĩ chuyển tương giáo thọ, chuyển tương độ thoát. Như thị triển chuyển, bất khả phục kế. Thập phương thế giới, Thanh văn, Bồ-tát, chư chúng sanh loại, sanh bỉ Phật quốc, đắc Nê-hoàn đạo, đương tác Phật giả, bất khả thăng số.**

*Ý của Phật Vô Lượng Thọ muốn độ thoát tất cả các loại chúng sanh trong mười phương thế giới, đều được vãng sanh về nước ấy, đều khiến cho đắc đạo Nê-hoàn. Đã là Bồ-tát thì khiến được thành Phật, đã làm Phật rồi thì luân phiên nhau truyền pháp dạy học, luân phiên nhau độ thoát. Chuyển tiếp như vậy chẳng thể tính kể. Thanh văn, Bồ-tát, các loài chúng sanh trong mười phương thế giới sanh về cõi Phật đó đều đắc đạo Nê-hoàn, người chứng quả thành Phật số không kể xiết.*

Đại nguyện của đức Di-đà là muốn phổ độ tất cả các loại chúng sanh trong mười phương đều vãng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, đều khiến cho đắc đạo Nê-hoàn, hoàn toàn khiến họ đạt được quả Niết-bàn Vô thượng. Những vị đã làm Bồ-tát thì đều khiến cho họ thành Phật, sau khi thành Phật rồi thì luân phiên truyền pháp dạy học, độ thoát, vô cùng vô tận. Những loài vãng sanh được độ thoát có đếm cũng chẳng đếm xuê.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

**Bỉ Phật quốc trung, thường như nhất pháp, bất vi tăng đa. Sở dĩ giả hà? Do như đại hải, vi thủy trung vương, chư thủy lưu hành, đô nhập hải trung. Thị**

**đại hải thủy, ninh vi tăng giảm? Bát phương thượng hạ, Phật quốc vô số, A-di-đà quốc, trường cửu quảng đại, minh, hảo, khoái lạc, tối vi độc thắng. Bản kỳ vi Bồ-tát thời, cầu đạo sở nguyện, lũy đức sở trí. Vô Lượng Thọ Phật, ân đức bố thí, bát phương thượng hạ, vô cùng vô cực, thâm đại vô lượng, bất khả thăng ngôn.**

*Trong nước Phật ấy, thường như nhất pháp, không có tăng thêm, vì sao vậy? Ví như biển cả là vua của nước, các dòng nước đều chảy vào biển cả, nước trong biển ấy cũng không tăng giảm. Trong vô số cõi Phật mười phương, thì cõi nước của A-di-đà Phật là rộng lớn dài lâu, sáng đẹp an lạc, thù thắng độc nhất. Điều ấy vốn do sở nguyện cầu đạo, tích công lũy đức khi còn làm Bồ-tát mà được. Ân đức bố thí của Phật Vô Lượng Thọ đối với khắp mười phương là vô cùng vô cực, lớn sâu vô lượng, không thể nói hết được.*

Ý nghĩa của đoạn kinh văn này là [chúng sanh] trong mười phương thế giới nhiều như vậy mà ngài đều lần lượt độ thoát, đều được vắng sanh về thế giới Cực Lạc. Thế nhưng, trong nước Phật ấy thường như nhất pháp, không có tăng thêm. Chỗ này không dễ hiểu, xin nêu tí dụ, tất cả dòng sông đều chảy vào biển cả, biển cả không hề phình to lên, biển cả không tăng không giảm. Giống như rất nhiều người như vậy trong vô số cõi Phật mười phương vắng sanh đến thế giới Cực Lạc, nhưng thế giới Cực Lạc không hề biến đổi. Cõi nước của A-di-đà Phật rộng lớn dài lâu, sáng đẹp an lạc, thù thắng độc nhất. Rộng là rộng rãi, sáng là ánh sáng thanh tịnh, đẹp là tướng hảo trang nghiêm, vượt hơn tất cả nước Phật mười phương. Đây là do sự phát nguyện cầu đạo, tích công lũy đức khi ngài còn là Bồ-tát mà thành. Bởi vì khi tỳ-kheo Pháp Tạng hành Bồ-tát đạo đã phát nguyện như vậy, lại không ngừng tích công lũy đức. A-di-đà Phật bố thí lợi ích chân thật rộng khắp, chẳng những đối với địa cầu này của chúng ta, mà bố thí khắp cho tất cả chúng sanh trong vô số vô hạn thế giới mười phương. Ân đức của đức Di-đà rộng lớn sâu xa, dùng lời khó mà nêu rõ được.

Bên trên có nói trong nước Phật đó thường như nhất pháp, không có tăng thêm, có thể nêu lên một ví dụ cho dễ hiểu. Trong toán học của chúng ta có con số 8, viết thành hàng ngang “∞” thì gọi là lớn vô hạn. Số nào cộng với lớn vô hạn thì vẫn là lớn vô hạn, lớn vô hạn trừ đi bao nhiêu vẫn là lớn vô hạn, lớn vô hạn bị thứ gì trừ đi thì vẫn là lớn vô hạn, lớn vô hạn không bị giảm bớt, nếu có con số nhất định

thì mới bị giảm bớt. Có thể dùng lớn vô hạn để tỉ dụ cho “thường như nhất pháp”, cho nên đừng có cách nghĩ cứng nhắc, hạn hẹp.

Phật nói “nhất pháp”. Nhất pháp này là gì? Nhất pháp này là thân pháp tánh, cõi nước pháp tánh, đó là pháp tánh. Nghĩa lý này quá sâu, chúng sanh khó mà hiểu rõ. Thế giới Cực Lạc ở đâu? Thế giới Cực Lạc nơi nào cũng có, lúc nào cũng có, nó có biên giới hay không? Không có. Cho nên nó là nhất pháp. Nếu bạn có duyên thì bạn nhìn thấy được, bạn không có duyên thì không tìm được. Cho nên vãng sanh thì nhất định phải là A-di-đà Phật đến tiếp dẫn, A-di-đà Phật không đến tiếp dẫn thì bạn sẽ không biết thế giới Cực Lạc ở nơi đâu. Điều này giống như chúng ta xem kênh truyền hình vậy, thế giới Cực Lạc ở đâu? Ở ngay trong kênh truyền hình, do bạn không nhấn đúng nút, nhấn đúng nút thì thế giới Cực Lạc sẽ xuất hiện. Kênh này rất đặc biệt, đặc biệt ở chỗ nào? Kênh truyền hình của chúng ta cần phải nhấn nút thì nó mới xuất hiện, không nhấn thì không xuất hiện. Tín nguyện trì danh chính là nút nhấn của kênh thế giới Cực Lạc, chúng ta chỉ cần đầy đủ tín nguyện trì danh thì bạn sẽ thấy được A-di-đà Phật, A-di-đà Phật sẽ đem thế giới Cực Lạc bày ra cho bạn thấy. Bạn tin tưởng thật sự có. Vì sao vậy? Thế giới Cực Lạc tồn tại vĩnh cửu, không sanh không diệt, đích thực là vô lượng thọ, chẳng phải là hữu lượng, mà là vô lượng của vô lượng. Vô lượng thọ mà mười phương thế giới nói là hữu lượng. Ví dụ này hay, cho nên Phật dùng biển cả để tỉ dụ, nhằm nêu rõ nghĩa ấy. Ví thế giới Cực Lạc với biển cả, đem các dòng sông trong mười phương thế giới chảy vào trong nước của biển lớn, những dòng nước này chảy vào biển, biển cả cũng không tăng thêm, không hề nhìn thấy nước dâng lên. Dùng điều này để tỉ dụ cho chúng sanh của mười phương thế giới vãng sanh đến thế giới Cực Lạc, nhưng cũng không nhìn thấy số người ở nơi đó tăng lên.

“Lại bậc Đại sĩ của cõi ấy, quay về uế độ, cứu độ quần sanh, con số ấy cũng vô lượng”. Người của thế giới Cực Lạc ra ngoài độ chúng sanh mà cũng không hề nhìn thấy số người của nơi ấy giảm bớt. Chúng sanh mười phương thế giới đến vãng sanh, nhưng không hề nhìn thấy số người tăng lên. Dân số của nước này rất kỳ lạ, không tăng không giảm, thế giới này thật chẳng có cách gì để hình dung, quá là vi diệu. Chúng ta dùng lời trong kinh để nói: “hoặc ẩn hoặc hiện”. Ẩn là không nhìn thấy, hiện là nó lại hiện trước mắt rồi, có duyên thì nó hiện, không có duyên thì nó không hiện ra, ẩn hiện tự tại. Ẩn chẳng phải là không có, hiện cũng chẳng phải là thật có, không được cho là thật, cho là thật thì sai rồi.

Không cho là thật thì mới có thể thấy được chân tướng, cho là thật thì không thấy được. Vì sao vậy? Bạn đã khởi tâm động niệm rồi, khởi tâm động niệm là vọng tâm, không khởi tâm không động niệm là chân tâm. Chân tâm và vọng tâm là một tâm, một cái là giác, một cái là mê; giác thì gọi là chân, mê thì gọi là vọng, mê ngộ không hai, việc này thật chẳng thể nghĩ bàn. Cho nên nói, duy chỉ có nhất chân mới không có đối lập. Có hai thứ bèn đối lập rồi, có âm có dương thì đối lập, có thiện có ác bèn đối lập, có phàm có thánh đều là đối lập, đối lập là giả, chẳng phải thật. Chúng ta từ trong những tỉ dụ, trong lời thuyết pháp của Phật mà lĩnh hội, mà khai ngộ, cho nên gọi là “ngộ nhập”. Có thể ngộ nhập hay không là do chính mình, chẳng do Phật. Phật chỉ là đến đối cơ thuyết pháp, đến dẫn dắt bạn, bản thân bạn phải thông minh, thuận theo sự chỉ dẫn của ngài mà khế nhập chân thật, hốt nhiên đại ngộ.

Vì sao có người có thể ngộ, có người không thể ngộ? Người có thể ngộ là có duyên, người không thể ngộ là không có duyên. Duyên là gì? Duyên là cơ duyên, tuy nhiên có thể bồi dưỡng cơ duyên này. Làm thế nào bồi dưỡng? Là tất cả tướng chính là tất cả pháp. Làm thế nào lìa tướng? Ngay nơi tướng mà lìa tướng. Giống như chúng ta đang xem truyền hình, xem truyền hình thì làm sao lìa tướng? Biết được tướng ấy là giả, tướng ấy từ đâu mà có? Từ trên màn hình ti-vi hiện ra, nếu không có màn hình thì tướng cũng chẳng có. Màn hình là thật, bên trong không có tướng, không sanh không diệt; tướng là giả, sanh diệt trong từng sát-na. Sanh diệt và không sanh diệt là một thể, chẳng phải hai thể. Cho nên bạn nhất định phải biết, hình ảnh chính là màn hình, màn hình chính là hình ảnh, không chấp trước vào hai bên thì chính là người sáng tỏ, giác ngộ. Chấp trước một bên là sai rồi, chấp trước hai bên cũng sai luôn. Một bên cũng không chấp trước, không chấp trước có, cũng không chấp trước không, hai bên có không đều không chấp trước, như vậy mới có cơ hội khế nhập. Cho nên phải giữ được tâm thanh tịnh, bình đẳng.

Trong nhà Phật, pháp cao nhất, thù thắng nhất chính là Thiền. Thiền là gì? Những điều phía trên nói chính là thiền. Thiền chính là nhất tâm, thiền chính là nhất niệm. Một niệm cũng không có thì khai ngộ rồi, vẫn còn một niệm thì vẫn không thể khai ngộ. Một niệm này cũng phải buông xuống thì đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Cho nên, Thiền tông chẳng lập văn tự mà vẫn có thể khiến người kinh sợ. Thiền có thật có giả, bạn phải biết điều này. Không giống như Giáo, Giáo không thể làm giả, không cách gì làm giả được vì có kinh sách, có bằng cứ, chứng cứ. Thiền thì không có, cái gì cũng không có, tùy theo cách nói của bạn thôi. Thế nhưng nhất

định phải có người thuộc căn tánh đó, nếu không có căn tánh đó thì bạn nói cũng chẳng ích gì, họ hoàn toàn nghe không hiểu.

Trong Đàn Kinh chúng ta nhìn thấy thiên cơ mà Ngũ tổ nói, ngài Huệ Năng hiểu được, ngay cả Thần Tú cũng không hiểu. Thần Tú ở cùng Ngũ tổ mấy mươi năm, thời gian rất dài, Thần Tú thông về Giáo, chưa khế nhập Thiên, thế nên Ngũ tổ đem y bát truyền cho Huệ Năng, mọi người vô cùng kinh ngạc! Vì sao Ngũ tổ truyền cho Huệ Năng, phải chăng già rồi nên hồ đồ? Chỉ có ai trong tâm hiểu rõ vậy? Chỉ có Thần Tú trong tâm hiểu rõ. Thần Tú thật sự thừa nhận đại sư Huệ Năng cao mình hơn mình, mình không sánh bằng ngài, đối với đại sư Huệ Năng rất cung kính tán thán, đây là bậc đại đức một đời, không có tâm ngạo mạn. Bấy giờ Võ Tắc Thiên làm hoàng đế, Thần Tú tán thán Huệ Năng, khuyên Võ Tắc Thiên lễ thỉnh đại sư Huệ Năng đến kinh sư, chính là đến thủ đô gặp mặt Võ Tắc Thiên. Võ Tắc Thiên ra chiếu thư, nhưng Lục tổ không xuống núi. Hãy xem cổ thánh tiên hiền của chúng ta, đức hạnh của các ngài, đạo phong của các ngài thật sự xứng với bốn chữ “cổ thánh tiên hiền” này, các ngài là bậc cổ thánh thật sự, các ngài là tiên hiền đích thực, vĩnh viễn là tấm gương để chúng ta học tập.

Tiếp theo xin tổng kết một chút trọng điểm của phẩm kinh văn này.

Trọng điểm của kinh văn phẩm thứ 29, phẩm kinh văn này có sáu trọng điểm.

Trọng điểm thứ nhất: bạn lý giải bốn chữ “nguyện lực hoàng tâm” như thế nào? Nguyện lực của các Bồ-tát ở thế giới Tây Phương Cực Lạc là gì? Hiện nay bạn là người học Phật, nguyện lực của bạn là gì? Làm thế nào thực hiện nguyện lực này?

Trọng điểm thứ hai: các Bồ-tát ở thế giới Tây Phương Cực Lạc vì sao lại muốn đi vào cõi sanh tử? Vì độ quần sanh, làm sư tử hống.

Trọng điểm thứ ba: một người niệm Phật sau khi vãng sanh, từ thời nhà Tấn đến thời nhà Thanh, bảy lần đến thế gian này thị hiện giống như chúng sanh, bạn nhận thức vấn đề này như thế nào?

Trọng điểm thứ tư: đại nguyện của Di-đà là gì? Đại nguyện của Di-đà là muốn phổ độ hết thảy các loại chúng sanh mười phương đều vãng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, đều khiến đắc đạo Nê-hoàn, hoàn toàn khiến họ đạt được quả Niết-bàn. Người đã làm Bồ-tát thì khiến họ thành Phật, sau khi thành Phật thì luân phiên

nhau truyền pháp dạy học, độ thoát vô cùng vô cực. Các loại chúng sanh được độ có đếm cũng không đếm xuể. Phổ nguyện “tất cả đều thành Phật”.

Trọng điểm thứ năm: “trong nước Phật ấy thường như nhất pháp, không có tăng thêm”. Những câu này về lý rất sâu, không dễ hiểu, bạn nghe hiểu được bao nhiêu? Thử nói một chút về “thường như nhất pháp” và “không có tăng thêm” xem sao.

Trọng điểm thứ sáu: từ ngài Thân Tú bạn đã học được những gì? Từ đại sư Huệ Năng, bạn đã học được điều gì?

Tiếp theo, chúng tôi tiếp tục giảng kinh văn phẩm thứ 30:

### **BỒ-TÁT TU TRÌ ĐỆ TAM THẬP**

Phẩm kinh văn này là Phật Thích-ca giới thiệu cho chúng ta đức hạnh và việc tu trì trong đời sống thường ngày của các Bồ-tát ở thế giới Tây Phương Cực Lạc.

Mời xem kinh văn bên dưới:

**Phục thứ A-nan, bỉ Phật sát trung nhất thiết Bồ-tát, thiên định, trí tuệ, thần thông, uy đức, vô bất viên mãn, chư Phật mật tạng, cứu cánh minh liễu. Điều phục chư căn, thân tâm nhu nhuyễn, thâm nhập chánh tuệ, vô phục dư tập. Y Phật sở hành, thất giác thánh đạo, tu hành ngũ nhãn, chiếu chân, đạt tục. Nhục nhãn giản trạch, thiên nhãn thông đạt, pháp nhãn thanh tịnh, tuệ nhãn kiến chân, Phật nhãn cụ túc, giác liễu pháp tánh.**

*Lại nữa A-nan, thiên định, trí tuệ, thần thông, uy đức của tất cả Bồ-tát trong cõi Phật đó, thấy đều viên mãn, đều rất ráo sáng tỏ mật tạng của chư Phật, điều phục các căn, thân tâm nhu nhuyễn, thâm nhập chánh tuệ, không còn sót lại tập khí. Y theo những điều Phật đã hành là thất giác, thánh đạo mà tu hành ngũ nhãn, rõ biết chân đế, thông đạt tục đế. Nhục nhãn thì chọn lựa; thiên nhãn thì thông suốt; pháp nhãn thì thanh tịnh; tuệ nhãn biết rõ lý chân không, Phật nhãn đầy đủ công năng, hiểu rõ pháp tánh.*

Đoạn kinh văn này khá dài, chúng tôi chia thành những đoạn nhỏ để giải thích.

Đoạn nhỏ thứ nhất: *Lại nữa A-nan, thiên định, trí tuệ, thần thông, uy đức của tất cả Bồ-tát trong cõi Phật đó, thấy đều viên mãn.*

Đoạn kinh văn nhỏ này bao hàm vô lượng vô biên cảnh giới. “Trong cõi Phật đó” là chỉ cho thế giới Tây Phương Cực Lạc, đây là cõi nước Phật giáo hóa chúng sanh của A-di-đà Phật. “Tất cả Bồ-tát” chỉ cho mỗi một người trong mười phương thế giới vãng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, bất luận ở thế giới phương khác là thân phận nào, hoặc là Bồ-tát vãng sanh, hoặc là Thanh văn vãng sanh, cho đến từ ác đạo vãng sanh, chỉ cần sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc thì đều là Bồ-tát, chẳng những là Bồ-tát mà là A-đuy-việt-trí Bồ-tát.

Đại ý của đoạn kinh văn nhỏ này là: Phật lại bảo A-nan, nói tất cả Bồ-tát trong cõi Phật ở thế giới Cực Lạc, thiên định, trí tuệ của họ. Thiên định là độ thứ năm trong Lục độ, trí tuệ cũng chính là bát-nhã, là độ thứ sáu trong Lục độ. Thiên định và trí tuệ có quan hệ rất lớn. Hội Sớ nói: Có định không tuệ thì thành Thanh văn La-hán của Nhị thừa, chìm vào không, vướng vào tịch, dừng lại ở trong không và tịch, không có trí tuệ, không thể khởi quán chiếu. Có tuệ mà không định thì khác nào tư tưởng tà vạy của ngoại đạo. Còn có một loại tỉ dụ khác: quan hệ giữa định và tuệ giống như ánh sáng và chụp đèn trong đèn lồng. Đèn dầu thời xưa có chụp đèn, nếu không có chụp đèn thì gió thổi sẽ bị tắt, cho nên có tuệ mà không định thì giống như đèn mà không có chụp đèn, có định mà không tuệ thì giống như đèn chưa được thắp lên, không phát sáng. Cho nên định và tuệ đều quan trọng.

Lục thông đều là thần thông, người chứng quả tự nhiên sẽ đạt được. Thần thông là thứ do chúng ta thông qua tu trì, tinh tấn đương nhiên sẽ đạt được. Tuy nhiên nếu đặt nặng vào thần thông, chuyên cầu thần thông thì luôn dễ xảy ra sai lầm. Thần thông là sự việc bên lề sau cùng của đạo thánh, chỉ cần đạt được gốc, lo gì chuyện ngọn ngành. Thiên định, trí tuệ là căn bản của căn bản, trí tuệ này chẳng phải là loại trí tuệ dùng để viết văn chương, mà là biết tâm đạt gốc, hiểu rõ tự tâm vốn có, nếu đạt được gốc rồi thì không còn lo ngọn nữa. Giống như đứa bé trai chưa mọc râu, bạn đâu cần lo nó không có râu, lớn rồi thì tự nhiên sẽ mọc ra thôi, chưa từng nghe nói chỉ số thông minh quá thấp thì không mọc râu, đối với thần thông nên có cách nhìn như vậy.

Lão Bồ-tát Lưu Tổ Thanh có thần thông, trước khi chị vãng sanh thì tôi không biết, chị ấy trước đến giờ chưa từng thể hiện ra trước mặt tôi. Chị ấy là người ăn nói

vụng về, có khi nói lời không hiểu nổi chứ đừng nói đến giảng Phật pháp. Thế nhưng điều khiến tôi kinh ngạc là trong năm ngày đêm ngược đến lúc chị ấy vãng sanh, chị ấy đã giảng Phật pháp năm ngày năm đêm thao thao bất tuyệt, không mệt không chán. Tôi hỏi chị: chị ơi, những lời này của chị học được từ đâu vậy? Chị nói: chẳng phải do học được, đến lúc chị nên nói thì tự nhiên sẽ biết nói, em muốn không nói cũng không được, tự nhiên nó cứ tuôn ra, em cho rằng chỉ có em biết nói thôi sao, đến lúc chị nên nói thì chị nhất định phải nói.

Chị ấy đã ra đi 9 năm rồi, nhớ lại một đời của chị ấy, tôi sau cùng đã hiểu ra, chị ấy đã diễn một vở kịch lớn hoàn mỹ về nhân sanh, đặc biệt là màn kịch lớn sau cùng của chị đã diễn một cách tinh diệu tuyệt luân, hoàn hảo không tì vết như vậy. Trước và sau khi chị ấy vãng sanh có khâu nào chẳng phải là thần thông, toàn là thần thông cả. Nếu chẳng phải thần thông thì tuyệt không có cách nào để giải thích. Trước khi chị ấy vãng sanh đã thị hiện thần thông, tương ứng với giáo huấn của tổ sư đại đức. Các ngài bình thường không thị hiện thần thông, bởi vì chư Phật Như Lai không dùng thần thông để giáo hóa chúng sanh, trong tình huống đặc biệt, như trước khi vãng sanh thị hiện một chút thần thông cho chúng sanh thấy, nhằm giúp chúng sanh kiên định tín niệm cầu sanh Tịnh độ. Thị hiện thần thông cần phải quán cơ, cơ chuyên chưa chín muồi thì không được thị hiện thần thông.

Tiếp theo nói về uy đức. Uy là uy thế, uy thần; đức là công đức, chẳng có cái nào không viên mãn. Trong đoạn kinh văn nhỏ này xin đặc biệt lưu ý hai chỗ: một là “tất cả Bồ-tát”, hai là “thầy đều viên mãn”. “Tất cả Bồ-tát” là chỉ cho Bồ-tát vãng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, là hết thầy Bồ-tát, không sót người nào.

“Thầy đều viên mãn”, thầy Lý Bình Nam nói với chúng ta: Chẳng phải vừa sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc bèn chúng được cảnh giới của Thất địa trở lên. Thế giới của Di-đà rất đặc thù, không thể nghĩ bàn, cho dù không phải là Thất địa Bồ-tát nhưng thiên định, trí tuệ, thần thông, uy đức đều tựa như Bồ-tát Thất địa. Có phải là Bồ-tát Thất địa hay không? Không phải, vẫn là phàm phu, một phẩm phiền não cũng chưa đoạn. Vì vậy đại sư Ngẫu Ích trong Yếu Giải nói rất hay: Thế giới Tây Phương Cực Lạc thứ gì cũng chẳng phải, nói họ là Bồ-tát mà một phẩm phiền não cũng chưa đoạn, rõ ràng là phàm phu. Nói là phàm phu mà thần thông, uy



đức của họ y như của Bồ-tát Thất địa. Đây là chỗ vô cùng đặc biệt thù thắng của thế giới Tây Phương Cực Lạc.

Đoạn nhỏ thứ hai: *“Rốt ráo sáng tỏ mật tạng của chư Phật”*.

Đoạn nhỏ trước đó nói: “viên mãn chứng được tam bất thoái”, ở thế giới Tây Phương Cực Lạc được thọ dụng tự tại, không khác gì Bồ-tát Đẳng giác, điều này đã rất thù thắng rồi, hai câu này so với kinh văn phía trước còn thù thắng hơn.

“Chư Phật” là nói tất cả chư Phật Như Lai trong mười phương ba đời. “Mật” là thâm mật, “tạng” là hàm chứa. Chư Phật Như Lai hiểu rõ, còn là rốt ráo sáng tỏ, pháp thâm mật hàm chứa trong tâm của chư Phật Như Lai chính là mật pháp vô thượng. Bồ-tát không thể hoàn toàn hiểu rõ mật tạng của chư Phật. Đẳng giác Bồ-tát đối với mật tạng của chư Phật thì ví như nhìn trăng qua lưới, vẫn còn một lớp lưới che đi ánh trăng, sao có thể rốt ráo viên mãn được. Duy chỉ có tất cả Bồ-tát ở thế giới Tây Phương Cực Lạc bao gồm người mới vãng sanh, một phẩm phiền não cũng chưa đoạn, vãng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc bèn có năng lực như vậy, đối với mật tạng của chư Phật có thể rốt ráo sáng tỏ.

Hoàng Niệm lão giải thích như sau: Mật tạng có hai hàm nghĩa, một là lời sâu xa của Như Lai, những lời Như Lai nói ra là [lời] thâm mật huyền áo, những lời chân thật này, tâm phân biệt của phàm phu nghe rồi không thể hiểu được, luôn luôn hiểu sai, hoặc nghe rồi mà như chưa nghe vậy, do vậy gọi là “mật tạng”. Một hàm nghĩa khác là: Tăng Sĩ Lược nói, mật tạng chính là pháp đà-la-ni, chính là chú, chỉ có Bồ-tát Bát địa trở lên mới có thể hiểu được ý nghĩa của chú, Bồ-tát của Tiểu thừa giáo chẳng thể hiểu được. Đây cũng là cách giải thích đối với mật tạng của chư Phật. Kết hợp hai hàm nghĩa này lại thì chính là nói: ngôn ngữ thâm mật của chư Phật và đà-la-ni của chư Phật, những bậc Đại sĩ này đều có thể rốt ráo sáng tỏ.

Mật tạng của chư Phật rốt cuộc là gì? Câu trả lời của lão pháp sư dành cho chúng ta vừa nghe liền biết, đó chính là bốn chữ: A-di-đà Phật. Diệu thay, tuyệt diệu thay! Hóa ra câu A-di-đà Phật mà chúng ta niệm mỗi ngày chính là mật tạng của chư Phật, sao không biết điều này từ sớm? Thảo nào lão pháp sư luôn nói với chúng ta, công đức danh hiệu không thể nghĩ bàn, tiếc rằng chúng ta nghe mà không hiểu. Hóa ra công đức danh hiệu chính là mật tạng của chư Phật, hết thấy chư Phật làm thế nào thành Phật? Niệm Phật thành Phật. Thích-ca Mâu-ni Phật cũng là niệm Phật thành Phật. Phần sau cùng của Tam phước trong Quán Kinh nói với chúng ta

“tin sâu nhân quả”, nhân quả này chẳng phải nhân quả thông thường, mà là “niệm Phật là nhân, thành Phật là quả”, chính là ở đây nói “mật tạng của chư Phật”. “Rốt ráo sáng tỏ” mới không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn, giống như Bồ-tát Đại Thế Chí từ lúc mới phát tâm mãi cho đến rốt ráo thành Phật, một câu Phật hiệu niệm đến cùng thì bạn sẽ thành Phật. Vui mừng thay, hôm nay thêm bóng đèn nhỏ sáng lên rồi.

Đoạn nhỏ thứ ba: *“Điều phục các căn, thân tâm nhu nhuyễn”*.

Điều chính là điều hòa, phục là chế phục. Các căn là chỉ cho sáu căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Điều ngự chế phục thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp, khiến chúng không tạo ác. “Điều phục các căn” là thân tâm có thể lìa khỏi trần cấu, lìa khỏi tà, lìa khỏi ác. Điều phục các căn thì thân tâm sẽ nhu nhuyễn. Nhu nhuyễn đối lập với cương cứng. Có một số người rất tự phụ, thành kiến rất sâu, trên thực tế họ không biết đó chính là cương cứng khó giáo hóa. Các Bồ-tát thì không như vậy, mà là thân tâm nhu nhuyễn, bởi vì thân tâm nhu nhuyễn nên có thể thâm nhập chánh tuệ, chánh tuệ là trí tuệ chân thật.

Đoạn nhỏ thứ tư: *“Thâm nhập chánh tuệ, không còn sót lại tập khí”*.

“Chánh tuệ là trí tuệ chân thật. Chánh là không tà, lìa điên đảo thì là chánh, lại khế nhập chân thật nên là chánh”. Cách nói này cao, “chân” này là “chân như”, nhập thật tướng, khế nhập chân như thật tướng, đó là đại Bồ-tát. Minh tâm kiến tánh thì khế nhập chân như thật tướng, đây chẳng phải là người thông thường. “Vậy nên lìa hư vọng phân biệt”, ý của câu này rất sâu. Hư vọng phân biệt: thứ không nên phân biệt mà bạn phân biệt, đây gọi là hư vọng. Có hư vọng phân biệt thì không có trí tuệ chân thật. Phải lìa hư vọng phân biệt thì trí tuệ chân thật mới có thể hiện tiền. Hoàng Niệm lão giải thích rằng: “Khế nhập chân thật là chánh, cho nên lìa hư vọng phân biệt, chiếu liễu trí tuệ nơi chân tâm thì gọi là chánh tuệ”. Đại sư Vĩnh Gia nói: “Liễu ngộ rồi nghiệp chướng vốn là không, chưa liễu ngộ thì phải hoàn nợ cũ”. Chữ “liễu” này có ý nghĩa rất sâu, có thể liễu ngộ thì tánh tội là không, không liễu ngộ thì nợ vẫn còn đó, một thứ cũng không trả xong. Chữ “liễu” đứng đằng sau chữ “chiếu” nghĩa là sau khi có thể chiếu thì mới có thể liễu ngộ, đây gọi là chánh tuệ.

“Dư tập” là sau khi đoạn phiền não, tập khí còn sót lại thì gọi là “dư tập”, cũng gọi là “tàn tập” hoặc là “tập khí”. “Nhi thừa không thể đoạn trừ tập khí còn sót lại, duy chỉ có Phật mới đoạn được”, phàm phu thì không cần phải nói. Tập khí, nhà

Duy Thức gọi nó là chủng tử trong A-lại-da thức, chúng ta thông thường gọi là ấn tượng, ký ức, bạn còn nhớ không? Vì sao bạn nhớ được? Ví dụ vì sao tôi vẫn còn nhớ những sự việc lúc còn nhỏ? Bởi vì những việc đã làm trong quá khứ đều có tư liệu trong A-lại-da thức. A-lại-da giống như kho chứa, giống như phòng tư liệu, phòng hồ sơ vậy. Khởi tâm động niệm của chúng ta thấy đều ở trong đó, chẳng những của đời này nằm trong đó, mà toàn bộ sự việc đời đời kiếp kiếp đã làm đều nằm trong đó. Giống như xuất hồ sơ ra vậy, vừa xuất thì ra ngay, không có cách gì chối cãi, có chứng cứ, có bằng chứng, có căn cứ.

Tập khí này không đoạn được, chứng đắc A-la-hán vẫn còn tập khí, Quyền giáo Bồ-tát cũng có tập khí, chỉ có người minh tâm kiến tánh, họ có năng lực, có trí tuệ chân thật, chuyển tám thức thành bốn trí thì mới có thể đoạn được tập khí. Phải là đại Bồ-tát! Tam hiền Bồ-tát không làm được, vì chưa kiến tánh.

“Nay Đại sĩ của Cực Lạc không còn sót lại tập khí”. Câu này quá tuyệt vời, rất khó được. Người đến thế giới Cực Lạc chẳng những đoạn phiền não rồi mà tập khí cũng không có. Điều này nói rõ Bồ-tát của cõi Thật Báo ở thế giới Cực Lạc, những Pháp thân Bồ-tát này, 41 cấp bậc, họ không cần ba đại a-tăng-kỳ kiếp, mà họ có thể xuất ly rất nhanh. Vì sao vậy? Được uy thần bốn nguyện của A-di-đà Phật gia trì. Uy thần bốn nguyện của A-di-đà Phật là bình đẳng, cho nên chúng ta sẽ nghĩ rằng người vãng sanh cõi Phạm Thánh Đồng Cư đạt được lợi ích lớn nhất. Vì sao vậy? Họ ở cõi nước của chư Phật khác phải tu vô lượng kiếp, nhưng đến thế giới Cực Lạc thì được rút ngắn lại rất nhiều, có cần đến ba đại a-tăng-kỳ kiếp không? Không cần, quá dài! [Trải qua] ba đại a-tăng-kỳ kiếp đoạn hết rồi thì giống như thế giới Hoa Tạng, cõi nước chư Phật mười phương đều là tình hình như vậy. Thế giới Cực Lạc chẳng phải như vậy, thành tựu rất nhanh chóng. Trong bản dịch kinh Vô Lượng Thọ thời Ngụy nói: chư Đại sĩ của cõi đó “rất ráo tất cả sở hạnh của Bồ-tát, thành tựu đầy đủ vô lượng công đức”. Ở đây chú trọng hai từ “rất ráo”, “rất ráo” chính là đã đoạn tập khí, nếu không có hai từ “rất ráo” này thì tuy có tất cả sở hạnh của Bồ-tát, thành tựu đầy đủ vô lượng công đức, nhưng vẫn còn mang theo tập khí, thêm vào “rất ráo” thì không còn tập khí nữa, việc này không thể nghĩ bàn.

Đoạn nhỏ thứ năm: *“Y theo những điều Phật đã hành là thất giác, thánh đạo mà tu hành ngũ nhãn, rõ biết chân đế, thông đạt tục đế”*.

“Y theo những điều Phật đã hành” là thực hành theo con đường của Phật. Phật tu hành, chứng quả, thành Phật như thế nào? Thích-ca Mâu-ni Phật đã làm ra tấm gương tốt nhất cho chúng ta.

“Thất giác, thánh đạo” bao gồm hai nội dung là: thất giác chi và bát thánh đạo.

Giác chi thứ nhất là trạch pháp giác chi. Việc trạch pháp trong tu hành vô cùng quan trọng, đầu tiên cần phải chọn lựa, phân biệt pháp nào là chân, pháp nào là nguy. Lựa chọn pháp là trí tuệ, trước tiên chúng ta phải có thể phân biệt chân nguy. Đại sư Tịnh Am chia pháp thành: chân, nguy, tà, chánh, đại, tiểu, thiên, viên. Phải có thể phân biệt, lựa chọn.

Giác chi thứ hai là tinh tấn giác chi. Lúc tinh tấn tu các đạo pháp cần hiểu rõ, chớ sai lầm thực hành khổ hạnh vô ích. Hiện nay việc tu mù luyện quán rất nhiều, họ không biết thuyền đi trong biển cả nếu sai phương hướng sẽ va phải đá ngầm. Giống như Đề-bà-đạt-đa, giới luật mà ông ấy đề xướng còn nghiêm ngặt hơn Thích-ca Mâu-ni Phật. Bạn cảm thấy nghiêm ngặt là tốt thì chạy theo ông ấy, không có trí tuệ. Họ ở trong ngôi nhà không có nóc, ở trong đó mùa hè nóng, mùa đông lạnh, làm việc không hợp tình hợp lý. Điều thân thì mới có thể điều tâm, phải làm cho thân thể tránh khỏi mưa gió thì mới được, vì vậy chúng ta cần phải biết chọn lựa.

Như khổ hạnh của ngoại đạo, cho rằng thọ khổ bền được giải thoát thì sai lầm rồi. Lời này là tôi nói, nói sai thì tự gánh trách nhiệm nhân quả. Rất nhiều người chúng ta quá xem trọng hình thức, lại quá lơ là thực chất. Ví dụ thường có người hỏi tôi cái này có được ăn không, cái kia có được ăn không. Tôi trả lời: muốn ăn thì ăn, không muốn ăn thì không ăn, thèm thì ăn, không thèm thì không ăn. Đối với câu trả lời này của mình tôi vô cùng hài lòng, có chút đạo vị của thiền trong đó. Còn có một câu trả lời tốt nhất, đó là A-di-đà Phật, có thể ăn được hay không đều ở trong bốn chữ này, diệu thay, diệu thay! Chịu các thứ khổ vô ích, sai lầm, chẳng chút ý nghĩa, vì thọ khổ mà chịu khổ thì có ý nghĩa thực tế nào không?

Cho nên tinh tấn giác chi là thường siêng năng tu hành trong pháp chân thật, như vậy mới gọi là tinh tấn. Nếu bạn tu mù luyện quán, dẫu tinh tấn đến đâu thì cũng là càn quấy, đây là lời Hoàng Niệm lão nói. Đối với người học Tịnh tông

chúng ta mà nói, không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn, thật thà niệm A-di-đà Phật thì chính là tinh tấn.

Giác chi thứ ba là hỷ giác chi. Trước hết có được pháp hỷ rồi, sau mới có thể giác ngộ hỷ đó là từ chánh pháp mà sanh ra, chẳng phải là hỷ do pháp điên đảo sanh ra.

Giác chi thứ tư là trừ giác chi, cũng gọi là khinh an giác chi. Giải thích cho khinh an giác chi chính là những phiền não thô nặng của thân tâm đã được tiêu trừ, cảm thấy rất nhẹ nhõm, rất an lạc. Người tu hành như pháp khi dụng công đạt trình độ thì sẽ có cảm giác khinh an. Ở đây chúng ta gọi là “trừ giác chi”, nghĩa là ngoài khinh an ra còn có một tầng nghĩa sâu hơn. Đó là sau khi bạn đoạn trừ phiền não rồi thì có thể hiểu rõ, trừ được hư ngụy có hại mà không tổn hại đến thiện căn chân thật.

Giác chi thứ năm là xả giác chi, cũng gọi là hành xả. Ý niệm của bản thân cùng với những pháp mà tâm trụ vào, nếu có thể hiểu rõ cảnh giới này, có thể sáng tỏ thì không còn nhớ lại cảnh giới hư ngụy nữa, đó gọi là xả.

Giác chi thứ sáu là định giác chi. Khi mới thực hành thiền định thì có rất nhiều giả tướng, đối với những giả tướng này không sanh dính mắc ưa thích. Thiền định vốn là việc tốt, nhưng có khi nó cũng trở thành một loại chướng ngại. Thế nên Bồ-tát sợ Tam thiền, Tam thiền vô cùng khoái lạc, Bồ-tát đạt được Tam thiền thì cũng sẽ tham đắm sự khoái lạc đó, sẽ không tiến bộ hơn được. Vì vậy khi mới thực hành thiền định, bạn cần hiểu rõ sự hư giả của thiền, không được có dính mắc ưa thích thì đó gọi là định giác chi.

Giác chi thứ bảy là niệm giác chi. Chính là khi tu pháp xuất thế thì phải biết cân đối giữa định và tuệ, có người tuệ nhiều định ít, có người định nhiều tuệ ít. Bạn phải có biện pháp, nếu cảm thấy tâm rất hôn trầm thì cần phải dùng trạch pháp giác chi, tinh tấn giác chi, hỷ giác chi để quán sát. Nếu tâm tán loạn thì dùng trừ giác chi, xả giác chi, định giác chi để thu liễm. Đây chính là tu hành thất giác chi.

Thất giác chi rất quan trọng, Thích-ca Mâu-ni Phật 49 năm giảng kinh dạy học, bất luận là ngài thuyết pháp hay hành đạo thì đều không rời thất giác chi, ngài thấy đều đầy đủ. Lão pháp sư nói, điều thứ bảy này đặc biệt tốt, đó là tâm bình lặng

an nhiên, lại chẳng có hồi ức. Vì sao [tốt] vậy? [Vì như vậy] Bạn mới có cơ duyên khai ngộ.

Tiết học này giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!